TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-04-2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Ân

2. Ông Trần Văn Ẩn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1986 "vắng mặt".

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Ly X, sinh năm 1988 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2025 và bản tự khai cùng ngày, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: anh và chị Nguyễn Ly X thành hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/9/2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau không hạnh phúc. Nguyên nhân, vào năm 2022 vợ anh bỏ đi, anh có nhiều lần liên lạc, mục đích nhằm hàn gắn gia đình nhưng không đạt kết quả.Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ly X.

Vợ chồng có 02 con chung là: Trần Ngọc D, sinh ngày 14/01/2013 và Trần Xuân L, sinh ngày 07/01/2018, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản (đơn xin vắng mặt) ngày 08/04/2025 bị đơn chị Nguyễn Ly X trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh Trần Văn H, con chung chị đồng ý giao anh H nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: anh Trần Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ly X, có địa chỉ ấp V xã X, huyện E, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Văn H và bị đơn chị Nguyễn Ly X có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Ly X kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhân kết hôn số: 117/2012 ngày 14/9/2012 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh Trần Văn H cho rằng: Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau không hạnh phúc. Nguyên nhân vào năm 2022 vợ anh bỏ đi, anh có nhiều lần liên lạc, mục đích nhằm hàn gắn gia đình nhưng không đạt kết quả. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ly X. Chị Nguyễn Ly X cũng đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị X không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn anh H là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 14/01/2013 và Trần Xuân L, sinh ngày 07/01/2018, đang sống chung với anh H, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi. Xét thấy hiện tại hai con sống với anh H cuộc sống cũng đảm bảo, anh H đủ điều kiện để nuôi con. Chị X cũng

đồng ý để anh H tiếp tục nuôi nên ghi nhận. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh H là người trực tiếp nuôi con, anh H không yêu cầu gì nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Văn H có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Ly X.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Trần Ngọc D, sinh ngày 14/01/2013 và Trần Xuân L, sinh ngày 07/01/2018 cho anh Trần Văn H tiếp tục nuôi. Chị Nguyễn Ly X không phải cấp dưỡng nuôi con và chị Nguyễn Ly X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Trần văn H đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011940 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Xuân (Giấy kết hôn số: 117/2012, ngày 01/3/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.